

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 24.156
	Giờ..... Ngày 18 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010
đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2007, lần thứ 3 ngày 16 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 4 số ngày 09 tháng 7 năm 2008.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Châu	Chủ tịch
Ông Ngô Trường Kỳ	Uỷ viên
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Uỷ viên
Ông Nguyễn Sỹ Thụy	Uỷ viên
Bà Lê Thị Xuyên	Uỷ viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Đá	Giám đốc
Bà Lê Thị Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Đặng Quốc Cường	Phó Giám đốc
Ông Phan Huy Tâm	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/6/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Văn Đá

Số: 154/2010/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3 9104 881 * Fax: (84-08) 3 9104 880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3 7931 428 * Fax: (84-04) 3 7931 429
Email: infohn@aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.587.954.539	134.758.318.930
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.267.356.027	11.064.763.000
1.	Tiền	111	V.1	13.410.011.027	11.064.763.000
2.	Các khoản tương đương tiền	112		45.857.345.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	807.345.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	807.345.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		36.166.216.620	33.880.308.481
1.	Phải thu của khách hàng	131		23.767.586.066	24.809.423.658
2.	Trả trước cho người bán	132		11.713.443.392	9.291.421.263
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.009.038.129	103.314.527
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(323.850.967)	(323.850.967)
IV.	Hàng tồn kho	140		67.002.544.791	84.094.242.039
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	67.326.356.193	84.418.053.441
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(323.811.402)	(323.811.402)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.151.837.101	4.911.660.410
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		920.550.526	606.883.886
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		466.591.575	4.076.671.443
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		764.695.000	228.105.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.307.821.063	84.057.650.921
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		71.198.393.976	75.379.367.728
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	70.661.077.764	74.843.767.186
	- Nguyên giá	222		123.068.539.344	121.602.229.826
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(52.407.461.580)	(46.758.462.640)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	537.316.212	535.600.542
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	7.800.000.000	7.500.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.800.000.000	7.500.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.309.427.087	1.178.283.193
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.309.427.087	1.178.283.193
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		244.895.775.602	218.815.969.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		93.484.464.682	65.857.389.487
I.	Nợ ngắn hạn	310		93.368.891.950	65.785.900.344
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	38.040.000.000	-
2.	Phải trả người bán	312		31.530.339.510	26.822.899.522
3.	Người mua trả tiền trước	313		5.553.458.359	25.155.222.055
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.595.757.140	2.918.551.138
5.	Phải trả người lao động	315		3.976.607.341	1.720.110.345
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	265.475.000	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	9.291.985.292	6.337.495.005
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.115.269.308	2.831.622.279
II.	Nợ dài hạn	330		115.572.732	71.489.143
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		115.572.732	71.489.143
				-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.411.310.920	152.958.580.364
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	151.411.310.920	152.958.580.364
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		104.000.000.000	104.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		41.982.000.000	41.982.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(4.367.674.414)	(4.367.674.414)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(237.650.118)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.848.284.327	2.295.937.109
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		632.528.033	80.180.815
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-6.316.172.974	9.205.786.972
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		244.895.775.602	218.815.969.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		693.193,57	499.054
	EUR		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Phan Huy Tâm

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Giám đốc



Trần Văn Đá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	225.595.313.126	116.050.589.091
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	2.550.518.580	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	223.044.794.546	116.050.589.091
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	210.276.556.048	105.455.608.172
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.768.238.498	10.594.980.919
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.850.650.176	1.372.077.893
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	345.579.249	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		345.565.355	-
8.	Chi phí bán hàng	24		3.173.199.981	1.269.099.214
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.344.442.085	4.109.824.878
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.755.667.359	6.588.134.720
11.	Thu nhập khác	31		220.366.402	161.636.888
12.	Chi phí khác	32		32.235.413	11.278.831
13.	Lợi nhuận khác	40		188.130.989	150.358.057
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.943.798.348	6.738.492.777
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.627.625.373	1.370.898.556
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.316.172.975	5.367.594.221
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22	624	530

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thu Hương

Phan Huy Tâm

Trần Văn Đá

GIÁO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 24891
 Giờ: Ngày 29 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/6/2009
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		204.491.086.078	125.017.633.875
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(153.590.790.574)	(87.785.640.089)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.560.336.689)	(12.398.098.895)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(295.565.355)	-
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.090.910.563)	(334.726.375)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.628.368.173	4.684.853.556
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.995.764.164)	(14.276.210.455)
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>	20		14.586.086.906	14.907.811.617
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.468.025.188)	(228.309.955)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(48.277.250.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		807.345.000	17.185.536.092
5.	Tiền chi vốn góp đầu tư vào các đơn vị khác	25		(300.000.000)	(300.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		618.569.509	296.314.050
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		(342.110.679)	(31.323.709.813)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/6/2009
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.040.000.000	9.876.500.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.081.383.200)	(3.576.553.300)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		33.958.616.800	6.299.946.700
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		48.202.593.027	(10.115.951.496)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.064.763.000	12.933.069.911
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		59.267.356.027	2.817.118.415

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Phan Huy Tâm

Giám đốc



Phan Văn Đá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác, sơ chế, sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
- Cưa xẻ gỗ thành ván;
- Bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật, dân dụng;
- Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng;
- Mua bán giường tủ bàn ghế;
- Mua bán gỗ và đồ gỗ các loại;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng; Mua bán mù cao su.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là:

7.1. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7.2. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo công văn số 3568 CT/TT&HT ngày 07/6/2005 của Cục thuế tỉnh Bình Dương trả lời về ưu đãi thuế TNDN, Công ty áp dụng mức thuế suất TNDN là 20% trong năm 2010.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	30/6/2010	01/01/2010
- Tiền mặt tại quỹ	377.475.326	305.946.959
- Tiền gửi ngân hàng	13.032.535.701	10.758.816.041
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	13.410.011.027	11.064.763.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	1.009.038.129	103.314.527
Cộng	1.009.038.129	103.314.527
4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
- Hàng mua đang đi đường	6.821.191.810	11.162.132.208
- Nguyên liệu, vật liệu	10.888.734.709	9.987.469.965
- Công cụ, dụng cụ	113.225.224	112.910.814
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.401.270.953	28.647.117.837
- Thành phẩm	16.101.933.497	34.508.422.617
- Hàng hoá	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	67.326.356.193	84.418.053.441

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	60.575.374.253	42.913.202.077	17.202.984.790	910.668.706	121.602.229.826
- Mua trong năm	-	384.240.427	976.396.364	-	1.360.636.791
- ĐT XDCB hoàn thành	105.672.727	-	-	-	105.672.727
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.681.046.980	43.297.442.504	18.179.381.154	910.668.706	123.068.539.344
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	19.543.258.839	22.179.577.438	4.241.648.905	793.977.458	46.758.462.640
- Khấu hao trong kỳ	2.158.686.561	2.666.967.123	787.940.166	35.405.090	5.648.998.940
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	21.701.945.400	24.846.544.561	5.029.589.071	829.382.548	52.407.461.580
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	41.032.115.414	20.733.624.639	12.961.335.885	116.691.248	74.843.767.186
Tại ngày cuối kỳ	38.979.101.580	18.450.897.943	13.149.792.083	81.286.158	70.661.077.764

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tổng số chi phí XD/CB dở dang:	537.316.212	535.600.542
Trong đó:		
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	409.749.060	409.749.060
+ Chi phí khác	127.567.152	125.851.482

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>30/6/2010</u>		<u>01/01/2010</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	78.000	7.800.000.000	75.000	7.500.000.000
+ Cty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (i)	78.000	7.800.000.000	75.000	7.500.000.000
Cộng	78.000	7.800.000.000	75.000	7.500.000.000

(i): Khoản góp vốn tương ứng với 78.000 cổ phần chiếm 7,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh tính đến thời điểm 30/6/2010. Đến thời điểm 30/6/2010, vốn góp của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là 2.000.000.000 đồng tương đương 20.000 cổ phần, vốn huy động của cán bộ công nhân viên là 5.800.000.000 đồng tương đương 58.000 cổ phần.

Đối với các cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn sẽ được hưởng cổ tức và gánh chịu rủi ro (nếu có) theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.309.427.087	1.178.283.193
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	1.309.427.087	1.178.283.193

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Vay ngắn hạn	(ii) 38.040.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	38.040.000.000	-

(ii): Vay ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng số BID.DN.0506410 qua hai kế ước:

+ Kế ước số 77036039 ngày 08/4/2010 số tiền 1.000.000 USD thời hạn từ 08/4/2010 đến 08/7/2010

+ Kế ước số 77116279 ngày 09/4/2010 số tiền 1.000.000 USD thời hạn từ 09/4/2010 đến 09/7/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Thuế giá trị gia tăng	1.750.268.288	693.416.654
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.817.152.086	2.199.087.375
- Thuế thu nhập cá nhân	28.336.766	26.047.109
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước	-	-
Cộng	<u>3.595.757.140</u>	<u>2.918.551.138</u>

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	50.000.000	-
- Chi phí xuất khẩu	200.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	15.475.000	-
Cộng	<u>265.475.000</u>	<u>-</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	212.787.713
- Kinh phí công đoàn	145.871.866	30.686.037
- Bảo hiểm xã hội	117.968.227	120.100.347
- Bảo hiểm y tế	8.789.605	558.632
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	(i) <u>9.019.355.594</u>	<u>5.973.362.276</u>
Cộng	<u>9.291.985.292</u>	<u>6.337.495.005</u>

(i) Trong đó bao gồm:

- Phải trả cán bộ công nhân viên tiền góp vốn mua cổ phần Công ty CP ĐTXD Phú Thịnh:	5.800.000.000 đồng
- Phải trả tiền cổ tức:	3.009.616.800 đồng
- Phải trả khác:	209.738.794 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	104.000.000.000	41.982.000.000	(4.367.674.414)	-	2.014.733.950	2.333.926.604	7.631.274.157	153.594.260.297
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	9.205.786.973	9.205.786.973
- Tăng khác	-	-	-	(237.650.118)	610.501.933	610.501.933	-	983.353.748
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.078.000.000)	(6.078.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(329.298.774)	(2.864.247.722)	(1.553.274.158)	(4.746.820.654)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	104.000.000.000	41.982.000.000	(4.367.674.414)	(237.650.118)	2.295.937.109	80.180.815	9.205.786.972	152.958.580.364
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm kỳ này	-	-	-	-	-	-	6.316.172.975	6.316.172.975
- Tăng khác	-	-	-	237.650.118	-	-	-	237.650.118
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.091.000.000)	(7.091.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	552.347.218	552.347.218	(2.114.786.973)	(1.010.092.537)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ này	104.000.000.000	41.982.000.000	(4.367.674.414)	-	2.848.284.327	632.528.033	6.316.172.974	151.411.310.920

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Vốn góp của Nhà Nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác (i)	104.000.000.000	104.000.000.000
Cộng	<u>104.000.000.000</u>	<u>104.000.000.000</u>

(i) Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.700 cổ phiếu.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.091.000.000	6.078.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>30/6/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.130.000	10.130.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 đồng/CP

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.316.172.975	5.367.594.221
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.316.172.975	5.367.594.221
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.130.000	10.130.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND)	624	530

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Doanh thu bán hàng	225.595.313.126	116.050.589.091
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	<u>225.595.313.126</u>	<u>116.050.589.091</u>

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	2.550.518.580	-
Cộng	<u>2.550.518.580</u>	<u>-</u>

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	223.044.794.546	116.050.589.091
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Cộng	<u>223.044.794.546</u>	<u>116.050.589.091</u>

28. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	210.276.556.048	105.455.608.172
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	<u>210.276.556.048</u>	<u>105.455.608.172</u>

29. Doanh thu tài chính

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.418.569.509	293.682.367
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3.432.080.667	1.078.395.526
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Cộng	<u>4.850.650.176</u>	<u>1.372.077.893</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

30. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
- Chi phí lãi vay	345.565.355	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.894	-
- Lãi chậm thanh toán	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	345.579.249	-

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i) 1.627.625.373	1.370.898.556
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.627.625.373	1.370.898.556

(i) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.943.798.348	6.738.492.777
Các khoản tăng lợi nhuận tính thuế TNDN	194.328.517	116.000.000
Các khoản giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế	8.138.126.865	6.854.492.777
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.627.625.373	1.370.898.555

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.021.394.646	84.665.774.164
- Chi phí nhân công	17.004.858.985	13.811.586.892
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.648.998.940	4.781.351.803
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.101.689.950	2.249.912.657
- Chi phí khác	39.942.825.381	27.765.521.869
Cộng	255.719.767.902	133.274.147.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Bình Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2010

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Phan Huy Tâm

Giám đốc



Trần Văn Đá